

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2021
V/v: Tranh chấp Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đình Tài và ông Đặng Thái Dìn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 06 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Công G sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn C, xã Cẩm Long, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị L sinh năm 1987

Trú tại: Thôn C, xã Cẩm Long, huyện C, tỉnh Thanh Hoá.

Vắng mặt theo quyết định tuyên bố mất tích số 01/2021/QĐDS-ST, ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 và bản tự khai cũng Nhạị phiên tòa hôm nay nguyên đơn là anh Bùi Công G trình bày: Anh và chị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết rõ về pháp luật. Quá trình chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019, không hiểu lý do vì sao, anh và chị không có mâu thuẫn gì, chị L tự ý bỏ nhà đi. Từ đó đến

nay, chị L không về nhà lần nào nữa. Giữa anh và chị không có liên lạc gì với nhau. Anh không biết chị L làm gì, ở đâu. Gia đình chị L cũng không biết chị ở đâu. Tháng 10/2020 anh làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện C giải quyết tuyên bố chị L mất tích. Tại QĐ số 01/2021/QDDT-ST ngày 26/3/2021 đã tuyên bố chị L mất tích. Nay xét thấy chị L bỏ nhà đi thời gian đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, chị L đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên anh đề nghị xin được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Thị K – Sinh ngày 10/11/2004 và Bùi Tố Nh – Sinh ngày 29/6/2006. Hiện nay các con đang ở với anh Gi. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản: Anh Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị L: Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định tuyên bố mất tích số 01/2021/QDDT-ST ngày 26/3/2021.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53, điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Bùi Công G và chị Bùi Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Giao cả 02 cháu Bùi Thị K – Sinh ngày 10/11/2004 và cháu Bùi Tố Nh – Sinh ngày 29/6/2006 cho anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên.

Về tài sản: Anh Gi không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Anh Gi phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Bùi Công G làm đơn xin ly hôn đối với chị Bùi Thị L, trú tại thôn C, xã Cẩm Long, huyện C, tỉnh Thanh Hoá. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Ngày 26/3/2021, Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định số 01/2021/QĐDS-ST tuyên bố chị L mất tích. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ngày 06/7/2021, Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa xét xử vụ án, chị L vắng mặt lần thứ nhất. Do đó, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định. Nay chị L vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân anh Gi và chị L tự nguyện chung sống với nhau năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2009, chị L tự ý bỏ nhà đi. Từ đó đến nay anh và chị không còn liên lạc với nhau nữa. Anh không biết chị ở đâu và làm gì, thời gian chị Loạn bỏ nhà đi đã lâu nên anh làm đơn đề nghị tuyên bố chị mất tích. Ngày 26/3/2021, Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định số 01/2021/QĐDS-ST tuyên bố chị L mất tích. Nay để đảm bảo quyền lợi của bản thân, anh Gi làm đơn xin ly hôn chị L. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin ly hôn của anh Gi là chính đáng. Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Hôn nhân giữa anh Bùi Công G và chị Bùi Thị L là vi phạm luật Hôn nhân và gia đình về thủ tục đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 9, khoản 2 điều 53 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận anh Bùi Công G và chị Bùi Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Anh Gi và chị L có hai con chung là Bùi Thị K – Sinh ngày 10/11/2004 và Bùi Tố Nh – Sinh ngày 29/6/2006. Anh Gi có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Xét nguyện vọng nuôi con của anh Gi là chính đáng, hiện nay các con đang ở với anh Gi, chị L đã bị tuyên bố mất tích. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, nên giao cả 02 cháu K và Nh cho anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp. Còn trường hợp khi chị L trở về có yêu cầu hủy bỏ quyết định tuyên bố mất tích và có yêu cầu thay đổi nuôi con thì Tòa án sẽ xem xét bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Anh Gi không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Gi phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53, điều 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2 điều 68 – Bộ luật dân sự. Khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1

Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Bùi Công G và Bùi Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Giao cả 02 cháu cháu Bùi Tổ Nh – Sinh ngày 29/6/2006 và cháu Bùi Thị K – Sinh ngày 10/11/2004 cho anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Về tài sản: Anh Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Gi phải chịu 300.000đ án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0010235 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh Gi đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Gi có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm Thủy.
- TAND tỉnh Thanh Hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy.
- UBND xã Cẩm Long, huyện C
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Vũ Thị Ánh Tuyết

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/07/2021

*V/v: Tranh chấp ly hôn và
nuôi con.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thái Dìn và bà Nguyễn Thị Thành.

-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Công G sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn C, xã Cẩm Long, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị L sinh năm 1987

Trú tại: Thôn C, xã Cẩm Long, huyện C, tỉnh Thanh hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 và bản tự khai cũng Nhạị phiên tòa hôm nay nguyên đơn là anh Bùi Công G trình bày: Anh và chị L kết hôn với nhau vào năm 2004 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019, không hiểu lý do vì sao, vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng chị L tự ý bỏ nhà đi và không thấy về nữa. Gia đình chị L cũng không rõ chị L hiện đang ở đâu và giữa anh và chị L cũng không có liên lạc gì với nhau kể từ khi chị bỏ nhà đi từ năm 2019 đến nay. Tháng 10/2020 anh đã làm thủ tục yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với chị L tại Tòa án. Để đảm bảo việc nuôi dưỡng con cái và việc thực hiện các chế độ, nghĩa vụ với Nhà nước nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Bị đơn chị Bùi Thị L trình bày: Đối với chị L trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc xác minh với gia đình, chính quyền địa phương và

niêm yết hợp lệ các Thông báo, Quyết định, Giấy triệu tập cũng Như các văn bản tố tụng cho chị L theo đúng quy định của pháp luật. Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú cuối cùng của chị L được biết: Chị L và anh Gi kết hôn với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Long, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Về con chung chị và anh Gi có 02 con chung là cháu Bùi Tố Nh – Sinh ngày 29/6/2006 và cháu Bùi Thị K – Sinh ngày 10/11/2004. “ *Cháu Nh bị khuyết tật dạng câm điếc*”. Về mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh Gi không hòa giải tại cơ sở nên chính quyền địa phương không biết. Hiện nay chị L không có mặt tại địa phương từ năm 2009 đến nay. Tòa án đã ra Quyết định sở thẩm giải quyết việc dân sự tuyên bố một người mất tích số 01/2021/QĐST – TBMT ngày 26/3/2021 đối với chị L theo đơn yêu cầu của anh Gi. Nay anh Gi có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh và chị L, Tòa án căn cứ vào hồ sơ vụ án và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh Gi và chị L có hai con chung là cháu Bùi Tố Nh – Sinh ngày 29/6/2006 và cháu Bùi Thị K – Sinh ngày 10/11/2004. Anh Gi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với chị L trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, quá trình hòa giải chị L vắng mặt nên không tiến hành hòa giải và không lấy ý kiến chị L về phần con cái. Quá trình xét xử tại phiên tòa chị L vắng mặt nên

.....

Về tài sản: Anh Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 58 và điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27, điểm a và điểm d khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Gi ly hôn chị L

Về con chung: Giao cháu Bùi Tố Nh – Sinh ngày 29/6/2006 và cháu Bùi Thị K – Sinh ngày 10/11/2004 cho anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Gi không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Gi phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Bùi Công G làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với chị Bùi Thị L trú tại: Thôn C, xã Cẩm Long huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, việc anh Gi khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn chị L Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích theo đúng quy định của pháp luật nên Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Anh Gi và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật mà chỉ chung sống với nhau Nhợ chồng nên là hôn nhân không hợp pháp. Nay anh Gi xin ly hôn.....

Xét mâu thuẫn vợ chồng Căn cứ vào điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Gi được ly hôn chị L.

[4] Về con chung: Anh Gi và chị L có 02 con chung là cháu Bùi Tố Nh – Sinh ngày 29/6/2006 và cháu Bùi Thị K – Sinh ngày 10/11/2004. Anh Gi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là cháu Bùi Tố Nh và cháu Bùi Thị K. Giao 02 cháu Nh và K cho anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, hiện nay cháu Nh và cháu K đang ở cùng với bố là anh Gi. Về thu nhập anh Gi trình bày anh là..... Còn chị L hiện nay không có mặt tại địa phương và Tòa án đã ra Quyết định sơ thẩm về việc tuyên bố một người mất tích đối với chị, để đảm bảo quyền lợi cho con nên căn cứ Điều 81 và Điều 116 – Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nh và cháu K cho anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng khi con đủ tuổi thành niên là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản: Anh Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Gi phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 56, điều 81, điều 82, điều 83, điều 116 và Điều 117 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 5 điều 27, điểm a và điểm đ khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: xử cho anh Gi được ly hôn chị L.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Tố Nh – Sinh ngày 29/6/2006 và cháu Bùi Thị K – Sinh ngày 10/11/2004. Anh Gi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là cháu Bùi Tố Nh và Bùi Thị K. Giao cháu Bùi Tố Nh và cháu Bùi Thị K cho anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên , hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Gi phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/00010235, ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chấp nhận anh Gi đã nộp đủ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thủy.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thủy.
- UBND xã Cẩm Thành
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Ánh Tuyết

